

Bài 37. THỰC HÀNH

VỀ VÀ PHÂN TÍCH BIỂU ĐỒ VỀ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT CỦA NGÀNH THUỶ SẢN Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

I – MỤC TIÊU BÀI HỌC

Sau bài học HS cần :

- Hiểu đầy đủ hơn ngoài thế mạnh lương thực, vùng còn thế mạnh về thủy, hải sản.
- Biết phân tích tình hình phát triển ngành thủy sản, hải sản ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long.
- Rèn luyện kỹ năng xử lý số liệu thống kê và vẽ biểu đồ so sánh số liệu để khai thác kiến thức theo câu hỏi.
- Liên hệ với thực tế ở hai vùng đồng bằng lớn của đất nước.

II – MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN CHÚ Ý

– Lâu nay chúng ta thường hiểu Đồng bằng sông Cửu Long là vùng trọng điểm lương thực chủ yếu sản xuất là lúa gạo. Nhờ đó nước ta trở thành nước xuất khẩu gạo hàng đầu thế giới. Trên thực tế cho thấy Đồng bằng sông Cửu Long còn là vùng sản xuất và xuất khẩu mạnh thủy, hải sản. Giữa sản xuất lương thực và thủy, hải sản có mối liên hệ kinh tế cũng như lãnh thổ khăng khít. Hiểu Đồng bằng sông Cửu Long là vùng trọng điểm sản xuất lúa gạo vừa là vùng sản xuất thủy, hải sản cho nền kinh tế trong nước cũng như xuất khẩu.

– Thực tiễn sản xuất lúa gạo cũng như sản xuất thủy, hải sản cho thấy người nông dân ở Đồng bằng sông Cửu Long phải đương đầu với biết bao khó khăn, trở ngại chứ không phải đơn giản chỉ là nhận của ban phát từ tự nhiên. Đó là khó khăn trong việc cải tạo và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, đặc biệt là sử dụng và cải tạo đất phèn, đất mặn, bảo vệ rừng ngập mặn ven biển và trên bán đảo Cà Mau. Đó là khó khăn trong việc chung sống với lũ hằng năm của sông Mê Công... Nhiều vấn đề khác nữa không chỉ người dân nơi đây cần hiểu biết, mà nhân dân cả nước cần biết, để chia sẻ và góp phần cho đồng bằng này phát triển bền vững.

– Bài thực hành được kết cấu thành hai mục, bắt đầu bằng việc nghiên cứu bảng số liệu thống kê để vẽ biểu đồ ; sau đó là nhận xét, phân tích biểu đồ về tình hình ngành thủy sản ở Đồng bằng sông Cửu Long. Điều này gần tương tự như bài thực hành về vùng Đông Nam Bộ. Điều khác biệt ở chỗ, bài này gần như là bài thực hành cuối cùng về sự phân hoá lãnh thổ đất nước. Do vậy yêu cầu HS phải hoàn thiện và nâng cao các kĩ năng đọc, nhận xét, vẽ và phân tích số liệu kinh tế lãnh thổ. Yêu cầu hoàn thiện và nâng cao ở việc đọc nhanh bảng số liệu để có thể hiểu nội dung, phán đoán được kiểu biểu đồ cần vẽ (không thể nhìn mà vẽ ngay được, phải qua một số bước xử lí số liệu, theo ngôn ngữ hiện đại là chuyển số *tuyệt đối* sang số *tương đối* mới vẽ được). Cuối cùng phải biết phân tích, kết đoán vấn đề.

Theo tinh thần trên, trong bảng 37.1 có dẫn số liệu về Đồng bằng sông Hồng và cả nước (2002) để HS rèn luyện kĩ năng so sánh, nhận xét.

III – CÁC PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC CẦN THIẾT

– Về phía HS : Thước kẻ, máy tính, bút chì, bút màu hay hộp màu, vở thực hành, Atlas Địa lí Việt Nam.

– GV chuẩn bị bản đồ treo tường về địa lí tự nhiên hoặc kinh tế vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

IV – GỢI Ý TIẾN TRÌNH DẠY BÀI MỚI

1. Bài 1 : Nghiên cứu bảng số liệu 37.1

– Vì mục đích thực hành, SGK không có câu hỏi dẫn dắt kèm theo bảng số liệu, GV nêu câu hỏi nếu xét thấy cần thiết. Đồng bằng sông Cửu Long vượt xa Đồng bằng sông Hồng về sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy, hải sản (chiếm trên 50% của cả nước).

– Vẽ biểu đồ :

HS lập bảng sau :

**Sản lượng thủy sản ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long
và Đồng bằng sông Hồng so với cả nước, năm 2002 (cả nước = 100%)**

Sản lượng	Đồng bằng sông Cửu Long	Đồng bằng sông Hồng	Cả nước
Cá biển khai thác			100%
Cá nuôi			100%
Tôm nuôi			100%

GV yêu cầu HS tính toán, điền kết quả vào ô tương ứng.

– Cũng tương tự như bài thực hành về Đông Nam Bộ, GV gọi một HS khá lên bảng, vẽ biểu đồ. GV hướng dẫn HS tùy chọn kiểu biểu đồ cột hoặc thanh ngang hướng dẫn đồng thời HS trên bảng và cả lớp. Yêu cầu các thao tác nhanh và thuận thực. Khi HS trên bảng làm xong, GV yêu cầu cả lớp đối chiếu, nhận xét. HS học yếu có thể thao tác chậm hơn, GV cần lưu ý trợ giúp nếu xét thấy cần thiết.

2. Hướng dẫn dạy mục 2. Phân tích biểu đồ

GV cần chú ý yêu cầu HS phân tích biểu đồ đã vẽ chứ không phải phân tích bảng số liệu thống kê. Biểu đồ là kênh hình. Do đó phải dựa vào hình (Điều này có phần khác với bài thực hành về Đông Nam Bộ), đối chiếu với những điều đã học, và bằng sự hiểu biết của mình, lần lượt thảo luận theo 3 câu hỏi. Trong SGK có gợi ý nội dung trả lời, do vậy, không nhất thiết phải chia nhóm.

Nhìn chung các bài thực hành về Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long được coi là khó. GV cần chuẩn bị kỹ trước khi dạy.

Do đặc điểm lứa tuổi và yêu cầu dạy học, GV nên lựa chọn một số ý cơ bản sau đây :

Thứ nhất (a) : Trong ngành sản xuất thủy sản, so với Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng sông Cửu Long có một số lợi thế về :

– Điều kiện tự nhiên, diện tích vùng nước trên cạn và trên biển lớn hơn hẳn, nguồn cá tôm dồi dào : nước ngọt, nước mặn, nước lợ. Các bãi tôm, cá trên biển rộng lớn.

– Nguồn lao động có kinh nghiệm và tay nghề nuôi trồng và đánh bắt thủy sản đông đảo. Người dân Đồng bằng sông Cửu Long thích ứng linh hoạt với nền kinh tế thị trường, năng động và nhạy cảm với cái mới trong sản xuất và kinh doanh. Đại bộ phận dân cư ở Đồng bằng sông Hồng giỏi thâm canh lúa nước, chỉ một bộ phận nhỏ làm nghề nuôi trồng và khai thác thủy sản.

– Đồng bằng sông Cửu Long có nhiều cơ sở chế biến thủy sản ; sản phẩm chủ yếu để xuất khẩu sang thị trường khu vực và quốc tế.

– Thủy sản của Đồng bằng sông Cửu Long có thị trường tiêu thụ rộng lớn : các nước trong khu vực, EU, Nhật Bản, Bắc Mỹ.

Thứ hai (b) : Thế mạnh trong nghề nuôi tôm xuất khẩu ở Đồng bằng sông Cửu Long thể hiện trong bốn nội dung : về điều kiện tự nhiên, về lao động, về cơ sở chế biến, về thị trường tiêu thụ. Tương tự như trình bày tại điểm a) ở trên.

GV hướng dẫn HS nhấn mạnh một số vấn đề cốt lõi nhất : diện tích vùng nước rộng lớn, đặc biệt trên bán đảo Cà Mau ; do nuôi tôm đem lại nguồn thu nhập lớn, nếu trúng mùa, trúng giá, người dân rất sẵn sàng đầu tư lớn, chấp nhận rủi ro, sẵn sàng tiếp thu kỹ thuật và công nghệ mới để phát triển nghề nuôi tôm xuất khẩu ; thị trường nhập khẩu tôm (EU, Nhật Bản, Bắc Mỹ) là nhân tố quan trọng kích thích nghề nuôi thủy sản xuất khẩu.

Thứ ba (c) : Có nhiều khó khăn trong phát triển ngành thủy sản, tuy nhiên GV chỉ cần lưu ý HS một số khó khăn chính về : vấn đề đầu tư cho đánh bắt xa bờ, hệ thống công nghiệp chế biến chất lượng cao, chủ động nguồn giống an toàn và năng suất, chất lượng cao ; chủ động thị trường, chủ động tránh né các rào cản của các nước nhập khẩu sản phẩm thủy sản của Việt Nam.